

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 26-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Quỳnh;
2. Ông Đặng Thanh Quang.

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Tổ 1, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thiên D, sinh năm: 1977; chị Huỳnh Lê T, sinh năm 1993. Địa chỉ: khu phố H, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08-10-2021, quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị R trình bày:

Bà R có mối quan hệ quen biết nên bà có cho vợ chồng anh D, chị T vay tiền. Cụ thể: Vào ngày 03/02/2021 vợ chồng anh D vay của bà R số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng; vợ chồng anh D có ký giấy mượn nợ cho bà R giữ; thời hạn vay 05 ngày; mục đích vay để vợ chồng anh D đáo hạn

ngân hàng. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng anh D không thực hiện, không đóng lãi và không trả tiền gốc cho bà. Bà R có yêu cầu vợ chồng anh D trả nợ nhưng vợ chồng anh hứa hẹn nhiều lần. Đến ngày 10/9/2021, trong thời gian giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ, vợ chồng anh D vay tạm của bà 2.000.000 đồng để mua lương thực nhưng không có viết giấy nợ.

Tại đơn khởi kiện bà R yêu cầu anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 202.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Nay bà thay đổi yêu cầu, bà chỉ yêu cầu vợ chồng anh D cùng có trách nhiệm trả cho bà 200.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thiên D và chị Huỳnh Lê T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị R. Buộc anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà R số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng anh chị vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có) nên anh chị

phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Căn cứ “giấy mượn nợ” ngày 03/02/2021 (bút lục số 22) là chứng cứ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T có vay tiền của bà R, số tiền vay 200.000.000 đồng; mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; thời hạn vay đến ngày 07/02/2021; có chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T.

[4] Xét thấy anh D, chị T có vay tiền của bà R nhưng không thanh toán theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ và xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà R. Do đó, bà R yêu cầu anh D, chị T có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng là phù hợp; ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T.

Buộc anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thiên D, chị Huỳnh Lê T phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị R không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho bà R số tiền tạm ứng đã nộp là 5.050.000 đồng theo biên lai thu số 0020283 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm